

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-11-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần H1 đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các H1 thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Thôn CL, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Vũ Bá H1; nơi cư trú: Thôn CL, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-7-2020, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Bá H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 03-01-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Bá H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 23-9-2006 và Vũ Diệu L1, sinh ngày 07-7-2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Diệu L1 còn anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Bá L. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-8-2020, anh Vũ Bá H1, trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 23-9-2006 và Vũ Diệu L1, sinh ngày 07-7-2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, H1 đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 83 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị H1 đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Bá H1.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Vũ Diệu L1, sinh ngày 07-7-2013, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 23-9-2006 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh H1 xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, H1 đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Vũ Bá H1 có nơi cư trú tại xã DT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Vũ Bá H1 đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng tại các phiên hòa giải và các phiên tòa anh H1 đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, anh H1 không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả vụ án vì trong quá trình giải

quyết vụ án anh H1 đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do đó, H1 đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Vũ Bá H1.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Bá H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 03-01-2006. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và xô xát với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị H xin ly hôn, anh H1 không đồng ý. Anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến và tại các phiên tòa anh đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, việc anh không lên tòa án và không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị H và kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Do đó, H1 đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Vũ Bá H1.

[5] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 23-9-2006 và Vũ Diệu L1, sinh ngày 07-7-2013. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Diệu L1, anh H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, chị H và anh H1 đều có việc làm, có thu nhập ổn định; cháu Diệu L1 là nữ và có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu L hiện đang sinh sống cùng với anh H1. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H và anh H1 nên H1 đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Diệu L1 của chị H và giao con chung là Vũ Bá L cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H và anh H1 xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 đều xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H1 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Bá H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Diệu L1, sinh ngày 07-7-2013, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 23-9-2006 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **00017269 ngày 29 tháng 7 năm 2020**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Chị H và anh H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh